TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 41/2022/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 07 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa:

Chị Cao Minh Thúy H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Anh Trần Văn V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Minh Thúy H với anh Trần Văn V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Minh Thúy H và anh Trần Văn V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Cao Minh Thúy H được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Cao Thúy V, sinh ngày 15/7/2006.

Ghi nhận việc anh Trần Văn V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn V được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung:

+ Chị Cao Minh Thúy H được nhận chiếc xe khách nhãn hiệu SAMCO, số máy 514931, số khung JAAN1R71R77100759, màu sơn trắng xanh, số chỗ ngồi 29, biển số đăng ký 71B-013.37, đăng ký ngày 27/12/2021 do chị Cao Minh Thúy H đứng tên chủ xe, có giá trị còn lại 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Xe hiện đang hoạt động cố định tuyến Ba Tri – Cần Thơ. Anh V đồng ý có trách nhiệm ủy quyền cho chị Cao Minh Thúy H được tiếp tục hoạt động tuyến xe nêu trên.

+ Anh Trần Văn V được nhận chiếc xe khách nhãn nhiệu ISUZU, số máy 568718, số khung JAAN1R71R87100165, màu sơn đỏ, số chỗ ngồi 28, biển số đăng ký 71B-000.98, đăng ký ngày 25/12/2021 do chị Cao Minh Thúy H đứng tên chủ xe, có giá trị còn lại 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Xe hiện đang hoạt động cố định tuyến Bến Tre – Cần Thơ. Chị Cao Minh Thúy H đồng ý có trách nhiệm sang tên chiếc xe nêu trên cho anh Trần Văn V đứng tên chủ xe.

+ Anh Trần Văn V có trách nhiệm hoàn trả cho chị Cao Minh Thúy H ½ giá trị căn nhà là 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) gắn liền với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.515,2m^2, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị Cao Minh Thúy H và anh Trần Văn V thống nhất nhà và đất nêu trên đã chuyển nhượng cho người khác hiện nay không còn.

+ Anh Trần Văn V và chị Cao Minh Thúy H thống nhất tài sản trong nhà gồm là 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 máy lạnh, 01 ti vi, 02 bộ bàn ghế gỗ, 01 tủ gỗ, 02 bàn trang điểm bằng gỗ có giá trị còn lại là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Anh Trần Văn V có trách nhiệm hoàn trả cho chị Cao Minh T Hằng ½ giá trị tài sản nêu trên là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Anh Trần Văn V được quyền sở hữu đối với các tài sản nêu trên khi đã hoàn trả tiền cho chị Cao Minh Thúy H xong.

Tổng giá trị tài sản anh Trần Văn V và chị Cao Minh Thúy H mỗi người được nhận là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Ghi nhận việc anh Trần Văn V không có tranh chấp đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ đen, số máy KF26E0086716, số khung 251XKY005117, số loại SH150I, dung tích 153, biển số đăng ký 71B3-896.84,

đăng ký ngày 12/4/2019 do chị Cao Minh Thúy H đứng tên chủ xe. Anh Trần Văn V đồng ý để chị Cao Minh Thúy H được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng đối với chiếc xe nêu trên.

- Ghi nhận việc chị Cao Minh Thúy H tự nguyện sang tên 02 số điện thoại Mobil Phone là 0907.076.692 và số 093.99.80.552 do chị đang đứng tên chủ sử dụng sang cho anh Trần Văn V đứng tên chủ sử dụng.

- Về nợ chung: Chị Cao Minh Thúy H và anh Trần Văn V khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

+ Chị Cao Minh Thúy H phải chịu: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm hòa giải thành được giảm 50% là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Án phí chia tài sản chung là 3.125.000đ (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng là 3.275.000đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tổng cộng là 4.675.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004662 và số 0004663 cùng ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị Cao Minh Thúy H được hoàn lại số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai nêu trên.

+ Anh Trần Văn V phải chịu: Án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Án phí chia tài sản chung là 3.125.000đ (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng là 3.275.000đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang